TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2020
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên toà.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Mộng D**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp R, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày:***

Hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị Mộng D do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vũng Liêm ngày 02 tháng 6 năm

1998. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình vợ tại ấp R, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh và chị D không còn sống chung từ tháng 07 năm 2019 đến nay.

Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mộng D.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2001 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2014 hiện con chung đang sống với chị D. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Ngọc K cho chị D nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh và chị D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Gia H đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc K mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi cháu Ngọc K đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không còn yêu cầu nào khác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 18 tháng 11 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng D trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Chị thống nhất theo lời trình bày của anh P về mối quan hệ hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, hôn nhân có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh P đi làm xa vợ chồng không có cơ hội gần gũi. Từ tháng 7 năm 2019 đến nay anh P chỉ ghé thăm con chứ không có về nhà. Chị và anh P không còn sống chung từ tháng 7 năm 2019 đến nay.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của anh P thì chị không đồng ý ly hôn, chị cần thời gian để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2001 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2014 hiện con chung đang sống với chị. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn chị đồng ý nuôi dưỡng cháu Ngọc K, về phần cấp dưỡng chị và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Gia H đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: trích lục kết hôn bản sao; trích lục khai sinh bản sao;

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến ngày 18 tháng 11 năm 2019 bản gốc;

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tung: Tòa án triệu tập chị Nguyễn Thị Mộng D hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị D cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác, chị D biết rõ anh P xin ly hôn với chị. Nên quyết định xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Mối quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Mộng D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 02 tháng 6 năm 1998. Theo lời trình bày của anh P thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh và chị D không còn sống chung từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Theo chị D trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh P đi làm xa vợ chồng không có cơ hội gần gũi. Từ tháng 7 năm 2019 đến nay anh P chỉ ghé thăm con chứ không có về nhà. Chị và anh P không còn sống chung từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của anh P thì chị không đồng ý nhưng chị không tìm ra được phương pháp để khắc phục hàn gắn. Hôn nhân là sự tự nguyện của hai người nhưng anh P kiên quyết ly hôn với chị D, anh cho rằng giữa anh và chị D không còn tình cảm vợ chồng, không thể sống chung có hạnh phúc được.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh P yêu cầu ly hôn với chị D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D yêu cầu được đoàn tụ vì chị thương con muốn vợ chồng đoàn tụ lo cho con, yêu cầu của chị D là không được chấp nhận.

[3] Con chung: Anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Mộng D có 02 người con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2001 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2014 hiện con chung đang sống với chị D. Anh P chị D thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2014 cho chị D nuôi dưỡng. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc K mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi cháu Ngọc K đủ 18 tuổi, cháu Gia H đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Mộng D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Mộng D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Thanh P nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh P nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh P.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mộng D.

[2] Con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Mộng D nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc K mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ngọc K đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Thanh P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2001 đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết. Miễn xét.

[3] Tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Mộng D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Mộng D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Thanh P nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh P nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Tổng cộng anh P phải nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0007518 ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh P phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND thị trấn Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui